

Từ tâm lý trẻ em đến tâm lý dân tộc

PHẠM BÍCH HỢP

1. Về các huyền thoại thần đồng

Chúng tôi muốn tìm mối liên hệ giữa tâm lý học trẻ em với tâm lý học dân tộc và trông đợi ở giới khoa học một sự ủng hộ cuộc tìm kiếm này. Chính ngay khái niệm tâm lý học dân tộc đến nay vẫn còn là một mối nghi ngờ, dù cho ai cũng thấy những tính cách hay bản sắc dân tộc là điều hiển nhiên như chính sự tồn tại của các dân tộc vậy.

Khó khăn hơn cả là việc xác định các phương pháp và công cụ nghiên cứu cho phép thâm nhập vào lĩnh vực bí ẩn này. Biểu hiện của tâm lý học dân tộc trong các nền văn hóa, sức mạnh của tâm lý dân tộc trong các phong trào chính trị và xã hội thì không ai có thể ngờ. Nhưng cấu trúc ta nó, đặc biệt là sự truyền dẫn của nó qua các thế hệ thì thật không dễ phát hiện bằng các công cụ tâm lý học, dù đó là tâm lý học đại cương, tâm lý học xã hội hay tâm lý học trẻ em. Lĩnh vực sau cùng này, tức là tâm lý học trẻ em lại là điểm xuất phát quan trọng nhất. Ở đây chúng ta không thiếu những phương pháp trắc nghiệm. Nhưng vẫn còn một giới hạn phải vượt qua để không dừng lại ở những chỉ số bề nổi của ý thức mà tiến vào bề sâu của những gì thuộc vào tiềm thức, vô thức hay siêu thức.

Có phải vì thế mà sự quan tâm của Freud đến mặc cảm O-đíp đã mở đầu cho những khám phá táo bạo và lớn lao. Huyền thoại đã gợi mở một hướng đi khoa học. Nhưng dù sao thì Freudism vẫn là một sản phẩm đặc trưng của xã hội phương Tây. Còn với chúng ta, ở thế giới Phương Đông, nơi mà cá tính luôn luôn ở hàng thứ yếu so với cộng đồng tính thì giới tâm lý học và cả tâm bệnh học sẽ đối diện với những bí ẩn nào.

Chẳng hạn, dân tộc ta có một huyền thoại độc đáo về người anh hùng Phù Đổng. Thật là khác với chàng A sin. Người anh hùng làng Gióng là một chú bé 3 tuổi mà nói theo ngôn ngữ tâm lý học hiện đại thì nếu không phải là một trường hợp tâm bệnh thì cũng ở trạng thái chậm phát triển so với tất cả các chỉ số thông thường. "Lên ba chẳng nói chẳng cười", chú bé đó đột ngột bộc lộ cả sự trưởng thành về cơ thể lẫn trí tuệ.

Thật ra thì cái xung lực bí ẩn ở Thánh Gióng không phải là trường hợp ngoại lệ trong tư duy huyền thoại ở Việt Nam. Dân tộc ta có vô số chuyện "Thần Đồng" và kèm theo đó là nỗi lo sợ sống như sợ một kiểu tâm bệnh, nó khiến cho những đứa trẻ dị thường, nhất là thông minh dị thường thì dễ chết non. Kết cục của Phù Đổng hình như cũng phải như vậy? Thánh Gióng phải lên trời!

Hiện tượng "Thần Đồng" mà chúng ta đối diện không phải chỉ là một chủ đề huyền thoại. Nó đích thực là một chủ đề tâm lý học, một món nợ mà tâm lý học trẻ em ở Việt Nam phải trả. Nó gợi ra cả một cách nhìn mà nếu có sử dụng phân tâm học và tâm bệnh học hiện đại thì cũng không có gì viễn vông khi chúng ta thử tìm kiếm vì sao mà người Việt Nam lại có một cách đối xử, tức là nuôi dưỡng và hoài vọng về đứa trẻ như vậy.

Ngay cả bây giờ nữa, chúng ta vẫn tiếp tục một tâm lý ngưỡng vọng ở những thần đồng mới, những nhà thơ bẩm sinh sớm bật sáng lên từ tuổi nhi đồng, những năng khiếu toán học thiếu niên làm niềm tự hào trong các kỳ thi quốc tế. Ông Trạng nào ở xứ ta cũng là một kiểu Thần Đồng thời thơ ấu. Đây là một kiểu thăng hoa hoá của cả một dân tộc mà trẻ em lại là nơi thể hiện sự thăng hoa ấy.

Có thể nào bỏ qua tâm lý dân tộc khi nghiên cứu tâm lý trẻ em vì chính cái số phận của những Phù Đổng và những Thần Đồng đã đeo đuổi vận mệnh dân tộc ta từ xưa và đến cả ngày nay nữa.

2. Về chủ đề trẻ sơ sinh và thời tiền ý thức

Phân tâm học của Freud đã gợi nên cảm hứng đặc biệt cho việc tìm tòi nhân tính với sự chú tâm của ông về thời kỳ còn bú, ở đó ông giải thích sự tương tác giữa tính dục và văn minh, giữa bản năng và xã hội và phát hiện cơ chế của cái vô thức. Đó là phân tâm học cổ điển. Sau này người ta, dù vẫn cùng một cảm hứng đã, đã đi xa rất nhiều vào những giải thích xã hội - văn hoá. Vì thế họ chú tâm hơn đến các đặc điểm dân tộc khác nhau. Học trò của Freud là Yung đã nêu lên khái niệm những "bản đúc" văn hóa dân tộc. Từ mấy chục năm nay, ngày càng

có nhiều công trình nghiên cứu chuyển lý thuyết của Freud sang các nền văn minh phương Đông, tức là đi xa khỏi quê hương phương Tây của nó. Vẫn giữ được cảm hứng do Freud gợi ra, người ta thử hỏi liệu mặc cảm Ödip nếu là một nhân tính phổ biến thì ở phương Đông nó có hình dáng ra sao khi đặt trong bối cảnh một nền văn minh mà nói như cách nói của nhà xã hội học Đức nổi tiếng Marx Weber là "ở đó có tất cả những phẩm chất giá trị như tính hiếu thảo với tổ tiên, tính kiên nhẫn, tính lịch sự nhưng không có cái mà chúng ta gọi là cá tính". Những nền văn minh in dấu của Khổng giáo và đạo Hin đư đối xử ra sao với mặc cảm Ödip.

Có những công trình nghiên cứu so sánh đã cho thấy sự khác biệt này. Chúng tôi kể đến tác phẩm của HSU xuất bản năm 1963 ở Mỹ, so sánh lối sống của Trung Quốc, Hin đư và Mỹ và đưa ra một kết luận rằng: "Nếu quan hệ tam giác kiểu Ödip biểu hiện đặc trưng cho gia đình hạt nhân ở phương Tây thì hoạt động ưu thế cặp đôi là điển hình cho kiểu gia đình không phân nhỏ ở châu Á; cặp đôi mẹ và con trai ở Ấn Độ, cha và con trai ở Trung Quốc". Người ta đã mô tả đến chi tiết những khác nhau trong cách thức nuôi dưỡng và chăm sóc đứa trẻ còn bú giữa Tây và Đông. Chẳng hạn, có hai đặc trưng rất rõ rệt ở phương Đông. Đó là sự gần gũi thân xác giữa người mẹ, người bà, người chị với đứa trẻ bằng đủ cách bế bồng, địu, cõng. Đó là sự hợp tác giữa những người phụ nữ với nhau trong việc cho trẻ bú, tắm rửa, ru ngủ... Những kiểu cách này hầu như không thấy ở phương Tây. Người phương Tây nuôi đứa trẻ còn bú và cả sau đó nữa tức khắc nhằm hình thành một tính tự chủ và sáng kiến, còn người phương Đông thì chú trọng sự thỏa mãn của gần bó, nó làm cho đứa trẻ ít phải gò ép và có nhiều hơn cảm giác an toàn.

Người mẹ Việt Nam - đó là những tiếng quen thuộc trong văn học, trong thi ca của chúng ta nhưng lại rất ít được khảo sát về khoa học. Không có một công trình nào về cách thức mà người mẹ Việt Nam đối xử với đứa trẻ từ lúc thai nghén, sinh nở và nuôi dưỡng cho đến lúc nó đi khỏi lòng mẹ, rời khỏi bàn tay mẹ. Khoảng thời gian kéo dài 9 tháng trước khi sinh và một năm sau lúc sinh là cả một đời sống mẹ - con, ở đó huyền thoại pha lẫn với đời thực, cái ảo cái mộng chen lẫn cái thực. Đó cũng là sự xen lẫn bản năng và văn hoá, vô ý thức và ý thức, cá nhân và cộng đồng. Có tất cả sự phong phú của phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật xung quanh việc sinh nở và nuôi dưỡng con trẻ. Trong đó chứa đựng những "bất biến thể" mà dân tộc tích lũy được và muốn truyền đạt cho thế hệ sau. So với điều đó thì khía cạnh kỹ thuật mà chúng ta thông thạo ở các phòng khám và nhà hộ sinh dường như vẫn còn quá sơ lược và có thể nói, nó không biết gì đến đời sống tâm linh cả. Những bà mẹ trong tập quán cổ xưa dù ít kỹ thuật hơn nhưng lại có rất nhiều hiểu biết tâm linh.

Những tập tục kiêng cử còn phức tạp hơn nữa bởi vì chúng ta quả không hiểu là nó nhằm mục đích gì, vật chất hay tâm linh hay cả đôi. Việc người mẹ "nằm cũ", việc đứa trẻ bị cách ly với những "vía lạ" phải chăng chỉ là nhằm mục đích vệ sinh hay còn một lý do gì hơn thế nữa. Tại sao lại có quan niệm "sinh dữ tử lành", điều này thậm chí đi cả vào việc giải thích những giấc mơ nữa. Trong tất cả những chuyện này, chúng ta hiện thiếu những công trình mô tả đến nơi đến chốn, và nếu mô tả cũng chưa làm đủ thì không thể nói đến giải thích được điều gì. Hôm qua, người ta chấp nhận những tập quán, phong tục kia với tất cả niềm tin. Còn ngày nay có phải vì niềm tin ở các loại thuốc kháng sinh và tiêm chủng, chúng ta loại bỏ mà không cần giải thích những gì mà biết bao thế hệ tôn trọng. Huống chi trong những lĩnh vực của đời sống tâm linh, chúng ta càng ít biết cách thức mà người xưa săn sóc đứa trẻ, mang lại cho nó một nhân tính, dỗ dành và an ủi những cơn khủng hoảng tâm lý của nó, dạy cho nó sống đời sông văn hóa dân tộc. Có thể đổ lỗi tất cả những thiếu sót đó cho giới dân tộc học hay phong tục học. Nhưng cũng không thể không qui lỗi cho các nhà tam lý học ngày nay rất giỏi làm các kỹ thuật trắc nghiệm nhưng lại ít biết đời sống xã hội văn hoá gắn với lịch sử của các dân tộc ra sao, có những đứt đoạn nào và vì thế giữa những thế hệ mới và những thế hệ cũ đã nhen ra vô số những khủng hoảng tinh thần và xung đột xã hội.

Nếu các nhà tâm lý học dân tộc không đảm trách việc nghiên cứu các đặc điểm Việt Nam trong sự sinh sản và nuôi dưỡng em bé, đặc biệt ở tuổi còn bú thì ai sẽ làm việc đó, ai sẽ cung cấp một tri thức về cái gọi là đặc điểm dân tộc được hình thành như thế nào trong lứa tuổi này. Hay là chúng ta chấp nhận rằng vào tuổi đó trẻ con Tây và trẻ con Ta chẳng khác gì nhau ngoại trừ một cố yếu tố sinh lý học cơ thể có thể đo lường dễ dàng nhất. Liệu chúng ta có thể trông đợi ở tâm lý học sư phạm như tình trạng hiện nay, người ta biết tâm lý trẻ em Liên Xô hơn là biết những đứa trẻ ở các làng xóm vẫn đang sống trong những khuôn khổ gia đình và xã hội

đầy tính cổ truyền của dân tộc.

3. Tâm bệnh học trẻ em trước khủng hoảng xã hội - văn hóa

Cần phải nói đến tâm bệnh học trẻ em, trước nhất vì sự cần thiết cho việc ứng dụng tri thức tâm lý học và giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Tri thức ấy phải khai thác cả kho tàng tinh thần của dân tộc biểu hiện ở lối sống, ở nền văn hóa dân tộc.

Cuốn sách mới được xuất bản ở Pháp năm 1989 gồm gần 900 trang tập hợp bài viết của nhiều tác giả ở nhiều nước phương Tây viết về tâm bệnh học trẻ em “Psychopathologie de l'enfant” đã dành hai chương lớn để thảo luận mối liên quan giữa tâm bệnh trẻ em với các vấn đề xã hội văn hóa hiện đại. Trong đó, các nhà tâm thần học đặc biệt chú trọng mô tả thể giới của em bé ngày này biến đổi ra sao trong các nền văn minh khác nhau.

Không ai chối cãi rằng, ngày nay chúng ta đang sống trong cảnh tượng quốc tế hóa nền kinh tế, quốc tế hóa lối sống. Trẻ em cũng không ra ngoài cảnh tượng đó, ở đâu người ta cũng dễ dàng nuôi trẻ bằng thứ sữa bò tinh chế kiểu Nestlé, cho chúng chơi những búp bê nhựa, và oái ăm thay, những súng lục tự động! Học đường cũng quốc tế hóa, chẳng những bằng khối lượng các tri thức mà bằng cả cách truyền đạt, giảng dạy, thực hành.

Nhưng, tất cả những gì do nền văn minh công nghiệp phương Tây tạo ra thì một mặt sự tiến bộ hiển nhiên và mặt khác là những hậu quả xã hội khó kiểm soát được. Tâm bệnh là hậu quả rõ rệt nhất, nó nhắc nhở người ta cái giá phải trả về phía chính con người. Sự đảo lộn lớn hơn cả có lẽ là đời sống gia đình. Khủng hoảng gia đình đến lượt nó gây đảo lộn tất cả những cung cách mà người ta sinh đẻ và nuôi dưỡng trẻ em, đặc biệt vào thời kỳ còn bú (nourrison).

Anna Freud ngay sau chiến tranh thứ hai đã chú ý đến các trạng thái tâm bệnh do sự tách rời quá sớm đứa trẻ khỏi người mẹ và khỏi gia đình. Đó là căn bệnh mà người ta gọi là “tổn thương não bộ vị thành niên” (lésion cérébrales leineures). Cuộc khủng hoảng gia đình ở phương Tây đang đi xa hơn nữa, và mặc dù tất cả các bảo đảm xã hội dành cho trẻ em, nó vẫn đẩy tới sự mất thăng bằng tâm lý của đứa trẻ trong bối cảnh quan hệ các gia đình ngày càng lỏng lẻo hơn. Cả những không còn kiểu gia đình nhiều thế hệ, sự ly hôn phổ biến dẫn tới những gia đình khuyết, và ngay cả hôn nhân cũng không còn là một thể chế vững chắc nữa, người ta đang thực hiện một kiểu sống “sống chung” (Cohabitation) và hơn nữa một kiểu mẫu hệ về cư trú (matrilocalisation). Việc kiểm soát mức sinh cũng đi qua đà của nó để tới một chủ nghĩa độc thân trong số rất lớn phụ nữ phương Tây.

Các chuyên gia tâm lý học còn ít biết những hậu quả của tình hình này với tâm lý trẻ em. Và như cuốn sách mà chúng tôi mới nhắc đến, người ta đang muốn quay lại cái thế giới của em bé với tất cả những quan hệ ruột thịt, có ông bà, có anh chị em và bạn bè. Trong chiều hướng mà một xu thế phát triển công nghiệp và đô thị không cưỡng lại được đồng thời chấp nhận sức ép của nó lên các gia đình, chúng tôi đề nghị Viện Xã hội học nên khuyến khích công cuộc nghiên cứu tâm lý học về môi trường gia đình ở nước ta thay vì chỉ chú trọng đến những khía cạnh dân số học và kinh tế học của đơn vị xã hội cơ bản đó. Chúng ta đã nói nhiều về bản sắc dân tộc nhưng lại ít biết bản sắc đó thể hiện ra sao từ đời sống của các tế bào xã hội là đơn vị gia đình, nơi mà nhân cách trẻ em được hình thành trực tiếp nhất. Người Nhật hình như đã khôn ngoan hơn trong việc tránh cho gia đình bị khủng hoảng bởi phát triển công nghiệp và đô thị. Người phụ nữ Nhật tạm thôi việc sau lúc có đứa con đầu và chỉ trở lại việc làm khi đứa bé đã 36 tháng. Các ông bà già về hưu trở lại sống với con cháu. Tỷ lệ ly hôn và độc thân ở Nhật đều thấp hơn hẳn các nước Âu Mỹ. Chính những giải pháp đó cũng xuất phát từ hiểu biết tâm lý dân tộc, thể hiện cái mong muốn mà một dân tộc nhằm vào con cái của mình.

Để kết luận, chúng tôi nghĩ rằng nên khuyến khích một hướng đi từ tâm lý trẻ em đến tâm lý dân tộc vì muốn hiểu tâm lý của trẻ em thì không thể không đặt nó trong môi trường tinh thần và văn hóa dân tộc, ngược lại muốn biết tâm lý của một dân tộc thì không thể không xuất phát từ những gì mà một dân tộc tạo thành một “bất biến thể” trong đặc trưng tâm lý của trẻ em.